

KẾT LUẬN THANH TRA
Công tác quản lý vốn, tài sản và hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018
tại Công ty TNHH MTV Sách và thiết bị trường học tỉnh Đắk Nông

Thực hiện Quyết định thanh tra số 59/QĐ-STC ngày 03/5/2019 của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông về việc thanh tra công tác quản lý vốn, tài sản và hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Sách & thiết bị trường học tỉnh Đắk Nông từ ngày 04/5/2019 đến ngày 14/6/2019.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 40/BC-KQTTTr, ngày 27/6/2019 của Đoàn thanh tra số 59 về công tác quản lý tài chính tại Công ty TNHH MTV Sách và thiết bị trường học tỉnh Đắk Nông;

Kết luận thanh tra như sau:

A. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

1. Quá trình thành lập, chức năng, nhiệm vụ:

Công ty Sách và Thiết bị trường học tỉnh Đắk Nông được thành lập theo Quyết định số 561/QĐ-UBND ngày 23/06/2004 của UBND tỉnh Đắk Nông; chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị trường học tỉnh Đắk Nông tại Công văn số 873/BĐM ngày 29/6/2010 của Ban Đổi mới và Phát triển Doanh nghiệp tỉnh và Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 05/03/2013 của UBND tỉnh; là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, do UBND tỉnh Đắk Nông làm chủ sở hữu; Ngày 05/09/2017, UBND tỉnh Đắk Nông Ban hành Quyết định số 1447/QĐ-UBND về việc sáp nhập nguyên trạng Nhà in Đắk Nông vào Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị trường học tỉnh Đắk Nông; công tác bàn giao, tiếp nhận Nhà in vào Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị trường học tỉnh Đắk Nông được hoàn thành vào ngày 31/10/2017. Sau khi hoàn thành, có 100% lao động làm việc tại Nhà in (nay là Xí nghiệp in Đắk Nông) đã được sắp xếp, bố trí trên cơ sở kế thừa từ Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Nông;

Ngành nghề sản xuất kinh doanh: (1) Mua, bán Sách giáo khoa, sách tham khảo, vở, văn phòng phẩm, thiết bị dạy và học, mỹ phẩm, đồ chơi trẻ em, dụng cụ thể dục thể thao, âm nhạc; (2) In ấn, Liên kết sản xuất, kinh doanh thiết bị dạy học, thiết bị văn phòng, máy vi tính, thiết bị điện - điện tử, bàn ghế học sinh, hàng trang trí nội thất, các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ du lịch, thực hiện các dịch vụ tư vấn các sản phẩm thuộc ngành nghề kinh doanh và dịch vụ; (3) Chế bản, in, gia công sau in báo, tạp chí, các ấn phẩm báo chí khác theo quy định của pháp luật về báo chí; mẫu, biểu mẫu giấy tờ do cơ quan nhà nước ban hành; hóa đơn tài chính, các loại thẻ, giấy tờ có sẵn mệnh giá hoặc dùng để ghi mệnh giá (không bao gồm tiền); xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật về xuất bản; bao bì, nhãn hàng hóa; tài liệu, giấy tờ của tổ chức, cá nhân.

2. Tổ chức bộ máy:

Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty, tổng số Cán bộ, CNV lao động tính đến thời điểm 31/12/2018 là 47 người, trong đó, nam 18 người, nữ 29 người; Công ty có 03 phòng chuyên môn thuộc khối Văn phòng, gồm: Tổ chức nhân sự, Kinh doanh, Kế toán tài chính. Các đơn vị trực thuộc, gồm: Nhà sách giáo dục Gia Nghĩa, Nhà sách giáo dục Cư Jút và Xí nghiệp in.

- Phòng Kế toán tài chính gồm 4 người: Trưởng phòng kế toán và 3 nhân viên; trình độ từ Đại học trở lên.

B. KẾT QUẢ CÔNG TÁC THANH TRA TẠI ĐƠN VỊ

1. Tình hình kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 tại đơn vị:

ĐVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	Số đơn vị	Số thanh tra	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
I	Nguồn vốn	28.907.725.083	28.907.725.083	-
	- Vốn chủ sở hữu	15.917.747.327	15.917.747.327	-
	- Nợ phải trả (ngắn hạn)	12.989.977.756	12.989.977.756	-
II	Tài sản	28.907.725.083	28.907.725.083	-
	- Tài sản ngắn hạn	17.853.558.876	17.853.558.876	-
	+Tiền và các khoản tương đương tiền	3.091.511.156	3.091.511.156	-
	+ Các khoản phải thu ngắn hạn	5.401.729.577	5.401.729.577	-
	+ Hàng tồn kho	9.325.074.118	9.325.074.118	-
	+ Tài sản ngắn hạn khác	35.244.025	35.244.025	-
	- Tài sản dài hạn	11.054.166.207	11.054.166.207	-
	+ Tài sản CĐ	8.865.743.677	8.865.743.677	-
	+ Tài sản dài hạn khác	2.188.422.530	2.188.422.530	-
III	Kết quả SXKD			
	- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	39.342.223.069	37.776.407.001	(1.565.816.068)
	- Doanh thu hoạt động tài chính	3.512.250	3.512.250	-
	- Thu nhập khác	132.738.552	132.738.552	-
	- Các khoản giảm trừ doanh thu	1.565.816.068	0	(1.565.816.068)
	- Giá vốn hàng bán	30.649.673.624	30.649.673.624	-
	- Chi phí bán hàng	2.507.898.343	2.507.898.343	-
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.176.019.540	4.176.019.540	-
	- Chi phí khác	170.831.738	170.831.738	-
	+ Lãi vay	159.513.205	159.513.205	-
	+ Chi phí khác	11.318.533	11.318.533	-

- Lợi nhuận trước thuế	408.234.558	408.234.558	-
- Lợi nhuận sau thuế	408.234.558	408.234.558	-

Qua thanh tra kết quả hoạt động kinh doanh tại đơn vị, nhận thấy:

Số tiền 1.565.816.068 đồng đơn vị đã phản ánh số tiền chiết khấu hàng bán trên hóa đơn khi bán hàng nhưng vẫn hạch toán vào tài khoản giảm trừ doanh thu (chiết khấu hàng bán TK 521).

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đơn vị chưa phản ánh đúng tài khoản như: thanh toán tiền điện thoại cho nhà sách, thanh toán tiền nước uống cho xí nghiệp in, tiền nước nhà sách...

2. Việc chấp hành pháp luật về kế toán:

2.1. Về sổ sách kế toán:

- Đơn vị áp dụng trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

- Đơn vị đã mở đầy đủ các sổ kế toán theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2.2. Chế độ báo cáo tài chính:

Kế toán đơn vị đã thực hiện việc lập báo cáo quyết toán theo chế độ kế toán hiện hành và đã được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC, cụ thể:

STT	Tên loại báo cáo	Ghi chú
1	Bảng cân đối kế toán	Đã lập
2	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Đã lập
3	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Đã lập
4	Thuyết minh báo cáo tài chính	Đã lập

2.3. Về hạch toán kế toán:

- Đối với các khoản hàng bán bị trả lại số tiền 296.829.517 đồng đơn vị định khoản ghi âm Nợ TK131/ Có TK511 là sai quy định. Định khoản đúng Nợ TK 521, Nợ TK 3331/ Có TK 131.

- Đối với các khoản chiết khấu số tiền 1.565.816.068 đồng đơn vị hạch toán Nợ TK521/Có TK 131 nhưng trên hóa đơn đơn vị đã phản ánh số chiết khấu, như vậy là không đúng quy định.

- Khi làm hợp đồng vay ngân hàng thanh toán thẳng cho người bán đơn vị hạch toán Nợ TK 112/ Có TK 341 và Nợ TK341/Có TK 112. Như vậy không đúng với hợp đồng cho vay (định khoản đúng là: khi vay trả tiền cho người bán ghi Nợ TK331/Có TK 341).

- Khi hạch toán doanh thu bán hàng từ các nhà sách đơn vị hạch toán Nợ TK 3388/Có TK 511, 333; Nợ TK 1388/Có TK3388; Nợ TK 131/Có TK 1388. Như vậy không đúng quy định. (định khoản đúng là Nợ TK 136/Có TK 511,333).

2.4. Về chứng từ kế toán:

Đơn vị đã lập, luân chuyển và bảo quản chứng từ còn sai sót, chứng từ còn tẩy xóa, sửa chữa, hóa đơn sửa ngày tháng năm, không có đơn đặt hàng khi mua hàng, lệnh điều xe không có số, không có cùi lưu; giấy đi đường không có số, không có số theo dõi giấy đi đường; chứng từ ủy nhiệm chi không có số; phiếu chi còn trùng lặp; phiếu xuất, nhập kho không theo thứ tự, không có người nhận hàng. Làm thêm giờ không có giấy báo.

- Hợp đồng vận chuyển hàng còn sơ sài, chưa thể hiện được nội dung: hàng vận chuyển, thời gian, địa điểm vận chuyển.

- Không lập sổ kho, không cân kho.

3. Việc xây dựng và ban hành điều lệ, các quy chế quản lý nội bộ, tiêu chuẩn, định mức:

- Công ty hoạt động theo điều lệ được UBND tỉnh phê duyệt (Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 13/4/2017)

- Căn cứ các văn bản quy định hiện hành năm 2017 Công ty đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ (Quyết định số 68a/QĐ-TBTH ngày 25/12/2017).

4. Việc chấp hành chế độ chi tiêu tài chính:

Qua kiểm tra chứng từ kế toán của đơn vị, Đoàn thanh tra phát hiện một số sai sót sau:

* Sai phạm về thủ tục thanh toán với số tiền là: 215.197.389 đồng, tại các chứng từ:

- Phiếu chi 42 ngày 29/12/2018, thanh toán tiền vé máy bay, công tác phí số tiền 3.880.000 đồng: vé máy bay đi từ TP.HCM đến Đà Nẵng và từ Đà Nẵng về BMT nhưng giấy đi đường ngày 20/11 công tác tại Đà Nẵng và ngày 21-22/11 công tác tại Tp.HCM.

- Phiếu chi 02 ngày 04/9/2018, chi tiền công tác phí từ tháng 7 đến 31/8/2018, số tiền 31.886.000 đồng (tất cả giấy đi đường đều không có số):

+ Lâm Thanh Hạ: Vé xe đi BMT và ngược lại không có ngày tháng năm đi, người bán vé, không có dấu giáp lai giữa cùi và vé, số tiền 400.000 đồng (04 vé x 100.000 đồng/vé);

+ Phan Xuân Định: vé xe đi BMT và ngược lại không có ngày tháng năm khởi hành, ngày tháng năm bán vé số tiền 1.100.000 đồng ((02 vé x 150.000 đồng/vé) + (08 vé x 100.000 đồng/vé));

+ Lê Tấn Thành: Vé xe không có thời gian, ngày giờ khởi hành, số tiền 600.000 đồng (04 vé x 150.000 đồng/vé), không có ngày bán vé, người bán vé số tiền 1.200.000 đồng (08 vé x 150.000 đồng/vé);

Tổng sai phạm: 3.300.000 đồng.

- Phiếu chi số 01 ngày 03/12/2018, thanh toán tiền công tác phí, số tiền 12.290.000 đồng: Vé xe khách đi từ Đà Nẵng đến Đắk Nông và ngược lại không ghi ngày tháng năm đi, người bán vé số tiền 1.200.000 đồng (04 vé x 300.000 đồng/vé); Tiền vé máy bay hóa đơn ngày 04/9/2018 đi ngày 14/11/2018 số tiền 1.430.000 đồng không có thẻ lên máy bay. Tổng sai phạm là 2.630.000 đồng.

- Phiếu chi số 15 ngày 11/12/2018 thanh toán tiền công tác phí ngày 11/12/2018, số tiền 7.500.000 đồng: đi công tác tại TP.HCM vé xe đi công tác (Hà, My) không ghi ngày tháng năm khởi hành, người bán vé số tiền 600.000 đồng (04 vé x 150.000 đồng/vé).

- Phiếu chi 48 ngày 30/12/2018, thanh toán tiền công tác phí đi Cư Jut số tiền 300.000 đồng, vé xe không ghi ngày tháng năm khởi hành số tiền 200.000 đồng (02 vé x 100.000 đồng/ vé) .

- Phiếu chi 49 ngày 30/12/2018, thanh toán tiền công tác phí đi Cư Jut số tiền 3.300.000 đồng, vé xe không ghi ngày tháng năm khởi hành số tiền 600.000 đồng (06 vé x 100.000 đồng/vé) .

+ Phiếu chi 80 ngày 31/12/2018, thanh toán tiền công tác phí, vé máy bay, số tiền 6.085.000 đồng: đi công tác Hà Nội ngày 24 đến 25/10/2018 không có thẻ lên máy bay số tiền 5.780.000 đồng .

- Ủy nhiệm chi số 179 ngày 24/01/2018, chuyển tiền mua văn phòng phẩm, số tiền 4.340.500 đồng: Hóa đơn bán hàng số 0027373 ngày 23/01/2018 cột thành tiền không ghi số tiền nhưng tổng cộng số tiền là 4.340.500 đồng, người mua hàng không ký.

- Chi tiền in báo đêm cho xí nghiệp in từ tháng 01 đến tháng 6 tổng số tiền 138.898.000 đồng: không có quy định nào quy định chi trả tiền in báo đêm và không có bảng chấm công tiền in báo đêm.

- Hóa đơn số 0000508 ngày 15/5/2018, bán hàng cho Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi với số tiền: 8.217.000 đồng, không có phiếu xuất kho; có bảng kê mà không có chữ ký.

- Hóa đơn số 0000644 ngày 16/7/2018, bán sách cho Đại lý Trà My với số tiền là 3.265.411 đồng. Số tiền bằng chữ và bằng số trên hóa đơn không khớp nhau, Hóa đơn không có chữ ký của người mua và người bán hàng.

- Hóa đơn số 0000692 ngày 07/08/2018 xuất bán hàng với số tiền là 10.256.996 đồng, các phiếu xuất kho đề xuất sau ngày Hóa đơn (vào ngày 13/8/2018, theo xác nhận của lãnh đạo công ty).

- Hóa đơn số 0000842 ngày 29/9/2018 xuất bán sách cho Nhà sách Lê Quý Đôn với số tiền là 27.482.942 đồng. trong khi Phiếu xuất kho số AAAA00115/09/18 ngày 21/9/2018 chỉ có giá trị 8.774.460 đồng .

- Hóa đơn số 0001074 ngày 01/12/2018 xuất bán hàng theo Phiếu xuất kho số AAAA00027/12/18 với số tiền là: 2.821.000 đồng. Hóa đơn có ngày tháng ghi bằng mực tươi (bút bi).

- Hóa đơn số 0000570 ngày 18/6/2018 xuất theo Hợp đồng số 68/HĐKT-2017 ngày 15/6/2018 với số tiền là: 11.700.000 đồng. Hóa đơn có ngày tháng ghi bằng mực tươi (bút bi) (người lập hóa đơn Trương Thị Hồng Linh).

* Sai phạm về hóa đơn thanh toán với số tiền là 5.260.000 đồng, tại chứng từ: Phiếu chi số 47 ngày 29/9/2018 chi tiền mua vật tư, số tiền 5.260.000 đồng; Hóa đơn số 33104 ngày 28/9/2018 số tiền 5.260.000 đồng sửa ngày tháng (Nguyễn Thị Hoa Lập phiếu, Nguyễn Thị Biển nhận tiền);

* Sai phạm về chi sai quy định với số tiền là: 23.140.000 đồng, tại chứng từ sau: Phiếu chi số 28 ngày 23/3/2018, Chi tiền khen thưởng năm 2017 theo Quyết định số 72/QĐ-TBTH ngày 30/12/2017, số tiền 23.140.000 đồng.

* Sai phạm về chi trùng: 24.236.000 đồng, tại: Phiếu chi số 67 ngày 30/8/2018, chi tiền công tác phí từ tháng 7, số tiền 24.236.000 đồng (Ngô Thị Giang lập phiếu).

5. Kinh phí cấp sách giáo khoa, vở viết cho học sinh chính sách theo Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 06/9/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông:

5.1 Tình hình thực hiện dự toán:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số tiền (số báo cáo của đơn vị)	Ghi chú
1	Dự toán được giao trong năm	18.905.000.000	
2	Số đã thực hiện trong năm	16.727.725.900	
3	Số còn lại chưa thực hiện	2.177.274.100	

5.2. Đánh giá tình hình thực hiện:

Căn cứ Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 06/9/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Đắk Nông từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Công văn số 2085/UBND-KGVX ngày 13/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc định mức cấp phát sách giáo khoa, vở viết cho học sinh năm học 2018-2019 theo Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND;

Căn cứ Thông báo số 1045/TB-SGDĐT ngày 08/6/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thông báo danh mục sách giáo khoa, sách bài tập phục vụ năm học 2018-2019.

5.2.1. Đối chiếu số liệu báo cáo quyết toán sau khi kiểm tra chứng từ tại đơn vị:

Trên cơ sở kiểm tra Biên bản giao nhận hàng hóa (vở viết, sách giáo khoa cấp phát cho học sinh thuộc diện chính sách năm học 2018-2019) giữa các trường và Công ty:

* Vở viết:

STT	Khối lớp	Số báo cáo (Đối tượng)	Số kiểm tra (Đối tượng)	Chênh lệch (Đối tượng)	Quy ra định mức vở cấp	Thành tiền (đồng)
1	Lớp 1	3.979	3.975	4	56	487.200
2	Lớp 2	3.480	3.475	5	70	609.000
3	Lớp 3	3.081	3.074	7	98	852.600

4	Lớp 4	2.932	2.927	5	70	609.000
5	Lớp 5	2.737	2.734	3	42	365.400
6	Lớp 6	2.532	2.532	0	0	
7	Lớp 7	2.026	2.026	0	0	
8	Lớp 8	1.677	1.677	0	0	
9	Lớp 9	1.275	1.275	0	0	
10	Lớp 10	603	603	0	0	
11	Lớp 11	488	488	0	0	
12	Lớp 12	416	416	0	0	
Tổng cộng		25.226	25.202	24	336	2.923.200

Tổng số đối tượng thực tế cấp là: 25.202 đối tượng, Công ty báo cáo số quyết toán đã cấp là 25.226 đối tượng, dẫn đến chênh lệch nhu cầu đối tượng cấp phát vượt cao hơn so với nhu cầu thực tế là: 24 đối tượng, số cấp vượt là **2.923.200** đồng (Hai triệu chín trăm hai mươi ba nghìn hai trăm đồng).

*** Sách giáo khoa:**

- Sách giáo khoa chương trình VNEN: cấp không đúng định mức cấp phát sách giáo khoa theo Công văn số 2805/UBND-KGVX ngày 13/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông và Thông báo số 1045/TB-SGDĐT ngày 08/6/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông, với tổng số tiền đã cấp sách vượt định mức quy định là **2.697.000** đồng. Cụ thể:

STT	Khối lớp	Định mức		Giá			Định mức vở cấp	Thành tiền (đồng)
		Quy định	Công ty cấp	Sở GD&ĐT	Công ty	Chênh lệch		
1	Lớp 3	41	43	773.100	819.600	46.500	58	2.697.000
Tổng cộng								2.697.000

5.2.2. Tình hình thực hiện quản lý, cấp phát vở viết và sách giáo khoa:

Căn cứ vào tổng hợp nhu cầu về số lượng học sinh dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo năm học 2018-2019 do các Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã báo cáo, Công ty thực hiện cấp phát sách giáo khoa, vở viết cho học sinh thuộc diện chính sách theo Nghị quyết số 31 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Qua thanh tra tại đơn vị, nhận thấy:

a. Vở viết:

Cấp phát vở viết cao hơn so với nhu cầu đề nghị thực tế của Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện: Krông Nô, Đắk Glong với tổng số tiền là **9.447.200** đồng, cụ thể:

- Huyện Krông Nô: nhu cầu do phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị cấp cho trường THCS Trần Phú (lớp 6) là 17 đối tượng nhưng công ty cấp 42 đối tượng,

vượt 25 đối tượng, quy ra số vở cấp vượt theo định mức 500 quyển vở, với số tiền: 3.500.000 đồng.

- Huyện Đăk Glong: tổng số tiền cấp vở thừa so với đề nghị: 5.947.200 đồng, cụ thể:

+ Nhu cầu phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị cấp cho trường TH Lê Lợi (lớp 4) là 55 đối tượng nhưng công ty cấp là 59 đối tượng, vượt 4 đối tượng quy ra số vở cấp vượt theo định mức 56 quyển vở, với số tiền: 487.200 đồng

+ Nhu cầu phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị cấp cho trường THCS Hoàng Văn Thụ (lớp 6) là 160 đối tượng nhưng công ty cấp 199 đối tượng, vượt 39 đối tượng, quy ra số vở cấp vượt theo định mức 780 quyển vở, với số tiền: 5.460.000 đồng.

b. Sách giáo khoa:

Cấp phát sách giáo khoa cao hơn so với nhu cầu đề nghị thực tế của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đăk Glong với tổng số tiền: **16.154.000** đồng, cụ thể: cấp thừa 41 bộ sách lớp 6, giá 01 bộ sách là 394.000 đồng, tổng số tiền cấp thừa là: 16.154.000 đồng.

5.3. Nhận xét:

- Công ty lập Hợp đồng giao, nhận và cấp phát sách giáo khoa và vở viết cho học sinh chính sách năm học 2018-2019 tại các huyện: Cư Jut, Đăk R'lấp, Tuy Đức, Đăk Glong, Đăk Song, thị xã Gia Nghĩa (còn 01 huyện không có hợp đồng là: Krông Nô).

- Biên bản giao nhận hàng hóa (nghiệm thu) gồm các huyện: Krông Nô, Đăk Mil, Cư Jut, Đăk R'lấp, Tuy Đức (còn 03 huyện không có biên bản nghiệm thu: thị xã Gia Nghĩa, Đăk Song, Đăk Glong).

- Biên bản giao nhận vở viết và sách giáo khoa giữa Công ty và các Trường: Thời gian bàn giao sách và vở viết chậm so với thời gian quy định tại Quyết định số 1844/QĐ-UBND ngày 24/10/2016 của UBND tỉnh Đăk Nông (theo quy định là cấp trước ngày 05/9 hằng năm) gồm các trường thuộc huyện Đăk Glong: Trường TH Lê Lợi (29/10/2018); TH Nguyễn Văn Trỗi (03/10/2018); TH Vừ A Dính (30/10/2018).

- Biên bản giao nhận vở viết sửa xóa đơn giá hàng hóa từ 7.500 đồng lên 8.700 đồng, gồm các trường: TH Lê Lợi, TH Lý Tự Trọng, TH Quang Trung, TH Vừ A Dính thuộc huyện Đăk Glong;

6. Việc quản lý và sử dụng tài sản:

- Công ty có mở sổ theo dõi tài sản cố định;
- Cuối kỳ Công ty thực hiện việc kiểm kê tài sản cố định theo quy định;
- Công ty chưa xây dựng quy chế quản lý, sử dụng tài sản theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 23 Luật quản lý sử dụng tài sản công;

- TK 211:

+ Tăng (Nợ TK 211) là 12.019.608.207 đồng, trong đó tăng do đánh giá lại TSCĐ để thực hiện cổ phần hóa: 11.569.147.298 đồng.

+ Giảm (Có TK 211): 63.113.206 đồng

- Khấu hao TSCĐ năm 2018, số tiền là 697.028.776 đồng.

7. Việc thực hiện công tác công khai Tài chính:

Đơn vị đã thực hiện công khai Tài chính theo Điều 31 và Điều 32 Mục 3 Chương II của Luật Kế toán năm 2015.

C. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Kết luận

1. Tình hình kết quả hoạt động kinh doanh tại đơn vị:

Qua thanh tra kết quả hoạt động kinh doanh tại đơn vị, nhận thấy:

Số tiền 1.565.816.068 đồng đơn vị đã phản ánh số tiền chiết khấu hàng bán trên hóa đơn khi bán hàng nhưng vẫn hạch toán vào tài khoản giảm trừ doanh thu (chiết khấu hàng bán TK 521).

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đơn vị chưa phản ánh đúng tài khoản như: thanh toán tiền điện thoại cho nhà sách, thanh toán tiền nước uống cho xí nghiệp in, tiền nước nhà sách...

2. Việc chấp hành pháp luật về kế toán:

2.1. Về sổ sách kế toán:

- Đơn vị áp dụng trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

- Đơn vị đã mở đầy đủ các sổ kế toán theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2.2. Chế độ báo cáo tài chính:

Kế toán đơn vị đã thực hiện việc lập báo cáo quyết toán theo chế độ kế toán hiện hành và đã được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC.

2.3. Về hạch toán kế toán:

- Đối với các khoản hàng bán bị trả lại số tiền 296.829.517 đồng đơn vị định khoản ghi âm Nợ TK131/ Có TK511 là sai quy định. Định khoản đúng Nợ TK 521, Nợ TK 3331/ Có TK 131.

- Đối với các khoản chiết khấu số tiền 1.565.816.068 đồng đơn vị hạch toán Nợ TK521/Có TK 131 nhưng trên hóa đơn đơn vị đã phản ánh số chiết khấu, như vậy là không đúng quy định.

- Khi làm hợp đồng vay ngân hàng thanh toán thẳng cho người bán đơn vị hạch toán Nợ TK 112/ Có TK 341 và Nợ TK341/Có TK 112. Như vậy không đúng với hợp đồng cho vay (định khoản đúng là: khi vay trả tiền cho người bán ghi Nợ TK331/Có TK 341).

- Khi hạch toán doanh thu bán hàng từ các nhà sách đơn vị hạch toán Nợ TK 3388/Có TK 511, 333; Nợ TK 1388/Có TK3388; Nợ TK 131/Có TK 1388. Như vậy không đúng quy định. (định khoản đúng là Nợ TK 136/Có TK 511,333).

Như vậy không đúng điều 23 Luật kế toán và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 23/12/2014. Căn cứ Nghị định số 41/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 về việc Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập tại Điểm a Khoản 1 Điều 10 mức phạt tiền là 7.500.000 đồng.

Sai phạm trên thuộc về bà Trương Thị Hồng Linh - Kế toán trưởng đơn vị.

2.4. Về chứng từ kế toán:

Đơn vị đã lập, luân chuyển và bảo quản chứng từ còn sai sót, chứng từ còn tẩy xóa, sửa chữa, hóa đơn sửa ngày tháng năm, không có đơn đặt hàng khi mua hàng, lệnh điều xe không có số, không có cùi lưu; giấy đi đường không có số, không có số theo dõi giấy đi đường; chứng từ ủy nhiệm chi không có số; phiếu chi còn trùng lặp; phiếu xuất, nhập kho không theo thứ tự, không có người nhận hàng. Làm thêm giờ không có giấy báo. Như vậy không đúng Khoản 3 Điều 18 Luật kế toán. Căn cứ Nghị định số 41/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 về việc Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập, tại Điểm b Khoản 1 Điều 8 mức phạt tiền là 4.000.000 đồng.

Sai phạm trên thuộc về bà Trương Thị Hồng Linh - Kế toán trưởng, bà Nguyễn Thị Hoa - Kế toán đơn vị.

3. Việc xây dựng và ban hành điều lệ, các quy chế quản lý nội bộ, tiêu chuẩn, định mức: Công ty thực hiện theo điều lệ được UBND tỉnh phê duyệt, và đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định.

4. Việc chấp hành chế độ chi tiêu tài chính:

- Đối với sai phạm về thủ tục thanh toán với số tiền là: 215.197.389 đồng. Sở Tài chính không thu hồi số tiền trên. Sai phạm trên thuộc về ông Ngô Xuân Hà duyệt chi; bà Trương Thị Hồng Linh - Kế toán trưởng, bà Nguyễn Thị Hoa - Kế toán đơn vị. Đề nghị đơn vị nghiêm túc rút kinh nghiệm trong các năm tới những sai phạm mà Đoàn thanh tra đã nêu trên và thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

- Sở Tài chính thu hồi nộp NSNN số tiền do sai phạm hóa đơn thanh toán, chi sai quy định, chi trùng với tổng số tiền là: 52.636.000 đồng, trong đó:

+ Sai phạm về hóa đơn thanh toán với số tiền là: 5.260.000 đồng;

+ Sai phạm về chi sai quy định với số tiền là: 23.140.000 đồng;

+ Sai phạm về chi trùng với số tiền là: 24.236.000 đồng.

Sai phạm trên thuộc về ông Ngô Xuân Hà duyệt chi; bà Trương Thị Hồng Linh - Kế toán trưởng; bà Nguyễn Thị Hoa - Kế toán đơn vị.

5. Kinh phí cấp sách giáo khoa, vở viết cho học sinh chính sách theo Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 06/9/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông:

Sở Tài chính thu hồi nộp NSNN số tiền Công ty cấp vượt định mức và vượt đối tượng quy định đối với kinh phí cấp sách giáo khoa, vở viết với số tiền: 31.221.400 đồng.

Sai phạm trên thuộc về ông Ngô Xuân Hà chủ tài khoản và bà Trương Thị Hồng Linh - Kế toán trưởng đơn vị.

6. Việc quản lý và sử dụng tài sản: Công ty quản lý và sử dụng tài sản theo quy định, tuy nhiên Công ty chưa xây dựng quy chế quản lý, sử dụng tài sản theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 23 Luật quản lý sử dụng tài sản công;

7. Việc thực hiện công tác công khai Tài chính:

Đơn vị đã thực hiện công khai Tài chính theo Điều 31 và Điều 32 Mục 3 Chương II của Luật Kế toán năm 2015.

II. Kiến nghị

1. Sở Tài chính Đắk Nông:

Ra Quyết định thu hồi nộp NSNN toàn bộ số tiền do sai phạm hóa đơn thanh toán, chi sai quy định, chi trùng, cấp vượt định mức và đối tượng quy định, với tổng số tiền: **83.857.400** đồng, trong đó:

- + Sai phạm về hóa đơn thanh toán với số tiền là: 5.260.000 đồng;
- + Sai phạm về chi sai quy định với số tiền là: 23.140.000 đồng;
- + Sai phạm về chi trùng với số tiền là: 24.236.000 đồng;
- + Cấp vượt định mức và vượt đối tượng quy định đối với kinh phí cấp sách giáo khoa, vở viết với số tiền: 31.221.400 đồng.

2. Thanh tra Sở Tài chính:

- Thanh tra Sở ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán đối với các cá nhân đã sai phạm tổng số tiền là: **15.500.000** đồng, trong đó:

- + Bà Trương Thị Hồng Linh : 11.500.000 đồng;
- + Bà Nguyễn Thị Hoa: 4.000.000 đồng.

- Thanh tra Sở có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc và xử lý sau thanh tra.

3. Công ty TNHH MTV Sách & Thiết bị trường học tỉnh Đắk Nông

- Tiếp tục phát huy những ưu điểm đã đạt được trong công tác quản lý vốn, tài sản và hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị. Đồng thời cần nghiêm túc kiểm điểm, gán sai phạm tới từng cá nhân. Khắc phục ngay những sai phạm mà Đoàn thanh tra đã nêu ở phần trên.

- Xây dựng quy chế quản lý, sử dụng tài sản theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 23 Luật quản lý sử dụng tài sản công;


- Tổ chức họp chấn chỉnh công tác quản lý tài chính, nghiêm túc thực hiện chế độ chi tiêu tài chính tại đơn vị theo đúng quy định hiện hành.

- Đối với công tác kế toán phải nghiêm túc chấp hành Luật kế toán và các quy định trong công tác hạch toán kế toán.

- Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập phù hợp có khả năng giúp đơn vị khắc phục những sai sót về hạch toán, sổ sách, chứng từ mà đoàn thanh tra đã chỉ ra ở trên.

- Xây dựng mô hình tổ chức bộ máy quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai kết luận này theo quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 39 Luật thanh tra 2010.

Trên đây là Kết luận của Sở Tài chính đối với công tác quản lý vốn, tài sản và hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 tại Công ty TNHH MTV Sách & thiết bị trường học tỉnh Đắk Nông. 

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Thanh tra tỉnh (đ/b);
- Cty TNHH MTV Sách & TBTH (t/h);
- Đoàn thanh tra số 59;
- Lưu: VT, HSTTr.

KT. GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phan Thị Hiền